

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 392/2021/HS-ST

Ngày: 08/10/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B
TỈNH Đ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đồng Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Trương Văn Hai

Nguyễn Phi Hùng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Thành Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố B.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố B, tỉnh Đ*** tham gia phiên tòa: Ông Trương Kim Quyết – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 10 năm 2021, tại trụ Tòa án nhân dân Thành phố B đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 488/2021/HSST ngày 13/09/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 445/2021/QĐXXST-HS ngày 21/09/2021 đối với bị cáo:

Ngô Văn D; Giới tính: Nam; sinh năm 1987; nơi sinh: Bạc Liêu.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Không có hộ khẩu thường trú nhưng thuê trọ tại tổ 19, khu phố An Hòa, phường H, Thành phố B, tỉnh Đ.

Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Khơ Me - Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Không.

Trình độ học vấn: Không biết chữ; Họ tên cha: Ngô Văn H, sinh năm: 1956, còn sống. Họ tên mẹ: Huỳnh Thị N, sinh năm: 1961, còn sống. Bị cáo sống chung như vợ chồng với chị Lê Thị Mỹ D (không nhớ năm sinh), con có 01 con (không nhớ năm sinh); Tiền sự: Không.

Tiền án: Ngày 08/01/2020, bị Tòa án nhân dân Thành phố B, tỉnh Đ xử phạt 01 năm tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”. (hiện chưa được xóa án tích).

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 20/6/2021. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an Thành phố B, tỉnh Đ.

- **Bị hại:** Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1989.

Địa chỉ: K7/30, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, Thành phố B, tỉnh Đ.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Anh Lê Bình Dương, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ 20, Khu phố Cầu Hang, phường H, Thành phố B, tỉnh Đ.

Người làm chứng: Anh Nguyễn Văn Năm, sinh 1993.

Địa chỉ: xã Thành Minh, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

(Bị cáo có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngô Văn D là đối tượng đã từng bị kết án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích. Vào khoảng 00h45 phút ngày 18/6/2021, D đi đến phường Bửu Hòa mục đích xem ai có tài sản sơ hở để trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài. Khi D đi đến dãy trọ nhà K3/70, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, Thành phố B, tỉnh Đ thì thấy anh Trần Văn Đ đang ngủ dưới nền nhà và có để một chiếc điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi Note 9 (bên trong gắn số thuê bao 0522577990) để bên cạnh. D liền đi ra phía trước dãy trọ nhặt một cây tre dài khoảng 2,5 mét, một túi ni lông màu đen và một móc phơi đồ làm thành một cái vọt rồi đi lại đưa cây tre qua cửa sổ vào bên trong phòng vọt lấy điện thoại của anh Đ. Say khi lấy được điện thoại, D phát hiện điện thoại không cài mật khẩu, bên trong vẫn còn đăng nhập ứng dụng nhắn tin của Facebook nên D nhắn tin cho 08 người trong danh sách bạn bè của anh Đ để xin Card điện thoại, nhưng tất cả đều không cho. Đến khoảng 08h 50 phút ngày 18/6/2021, D tháo lấy Sim có số thuê bao 0522577990 trong điện thoại đã trộm cắp của anh Đ ra rồi lắp vào điện thoại FPT C5 của mình để sử dụng, còn điện thoại D đem bán cho anh Lê Bình Dương là chủ cửa hàng cầm đồ Dương Hồng Long tại địa chỉ tổ 20, khu phố Cầu Hang, phường H, Thành phố B được số tiền 2.000.000đ và đã tiêu xài hết. Đến khoảng 07h20 phút ngày 20/6/2021, anh Đ nhờ anh Nguyễn Văn Năm (sinh năm 1993), ngụ tại xã Thanh Minh, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa điện thoại vào số thuê bao của anh Đ bị mất, giả vờ nói với D đi đến tiệm nước đá trước chợ H, thuộc phường H, Thành phố B để anh Năm trả nợ tiền cho anh Đ mục đích là để bắt giữ D giao cho công an phường H, lập hồ sơ ban đầu chuyển đến cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố B đề nghị điều tra theo thẩm quyền. Quá trình điều tra, D đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Vật chứng vụ án:

- + 01 điện thoại di động hiệu XiaoMi Redmi Note 9 màu đen và 01 sim điện thoại số thuê bao 0522577990 là tài sản thuộc quyền sở hữu của anh Trần Văn Đ nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố B đã trả lại cho anh Trần Văn Đ.

- + 01 điện thoại di động FPT C5, màu đen là của Ngô Văn D do không liên quan đến việc phạm tội nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố B đã trả lại cho Ngô Văn D.

- + 01 cây tre dài khoảng 2,5 mét, một đầu có gắn móc phơi đồ.

- + 01 túi ni lông màu đen D đã vứt bỏ, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố B đã truy tìm nhưng không thấy.

- + 2.000.000đ Ngô Văn D đã tiêu xài hết nên không thu hồi được.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 297/KL-HĐĐGTS ngày 23/06/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Thành phố B kết luận 01 (một) điện thoại di động hiệu XiaoMi Redmi Note 9 có tổng giá trị là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng).

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị hại là anh Trần Văn Đ đã nhận lại tài sản, anh Lê Bình Dương là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo D phải bồi thường.

Đối với anh Lê Bình Dương có hành vi mua điện thoại di động của D, anh Dương không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố B không truy cứu trách nhiệm hình sự là có căn cứ pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 503/CT/VKS-BH ngày 13/09/2021, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố B đã truy tố bị cáo Ngô Văn D về tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại Điều 173, khoản 1 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố B giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo D về tội danh “Trộm cắp tài sản”; áp dụng các tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, đồng thời đề nghị HĐXX tuyên phạt bị cáo Ngô Văn D mức án tù: 14 tháng tù giam đến 18 tháng tù giam.

Về xử lý vật chứng và án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, lời khai bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và người làm chứng có tại hồ sơ vụ án

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Người bị hại anh Trần Văn Đ đã nhận lại tài sản và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Lê Bình Dương cũng đều không có yêu cầu bồi thường, đồng thời đã có lời khai đầy đủ thể hiện tại hồ sơ vụ án. Người làm chứng Nguyễn Văn Năm cũng đã có lời khai tại hồ sơ. Do đó, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Trước khi mở phiên tòa, bị cáo Ngô Văn D có đơn xin xét xử vắng mặt có xác nhận của Nhà tạm giữ công an Thành phố Biên Hoà. Việc làm đơn

của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, áp dụng điểm c khoản 2 Điều 290 Bộ luật tố tụng hình sự để xét xử vắng mặt bị cáo D.

[2]. Về hành vi bị truy tố, tội danh và các tình tiết liên quan đến việc quyết định hình phạt:

Xét thấy, quá trình điều tra, truy tố và đơn xin xét xử vắng mặt bị cáo D thống nhất với nội dung Bản cáo trạng mô tả hành vi phạm tội của mình. Theo đó, hồ sơ đã thể hiện do muốn có tiền tiêu xài, nên vào khoảng 00h45 phút ngày 18/6/2021, tại phòng trọ thuộc địa chỉ K5/70, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, Thành phố B, Ngô Văn D đã có hành vi trộm cắp 01 điện thoại di động hiệu XiaoMi Redmi Note 9 của anh Trần Văn Đ có tổng giá trị là 2.500.000đ, đến ngày 20/6/2021 thì D bị anh Đ và anh Năm bắt giữ giao Công an phường H giải quyết, lập hồ sơ chuyển đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố B xử lý theo thẩm quyền. Lời khai này của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án. Do đó, đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo D đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, như nội dung cáo trạng đã truy tố và bản luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa ngày hôm nay.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo Ngô Văn D là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp tài sản của người khác là khách thể được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bị cáo D là một thanh niên đã trưởng thành, đang trong độ tuổi lao động, có sức khỏe, có khả năng lao động tạo ra thu nhập để nuôi sống bản thân. Tuy nhiên, vì lòng tham cá nhân và muốn có tiền tiêu xài mà không phải bỏ sức bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của anh Trần Văn Đ rồi đem đi tiêu thụ với giá rẻ. Ngoài ra, trước khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản này, bị cáo đã có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội mới, nên đã phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, điều đó cho thấy bị cáo là đối tượng rất liều lĩnh, coi thường pháp luật, khó cải tạo, giáo dục để trở thành công dân có ích cho xã hội. Vì vậy, cần thiết phải xử phạt bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Tuy nhiên, xét thấy quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn, hối cải về hành vi đã thực hiện. Đây là những tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra người bị hại là anh Trần Văn Đ đã nhận lại chiếc điện thoại, anh Lê Bình Dương cũng không yêu cầu bị cáo D phải bồi thường lại tiền đã mua chiếc điện thoại và cũng không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết thêm.

[4]. Về vật chứng của vụ án:

+ 01 điện thoại di động hiệu XiaoMi Redmi Note 9 màu đen và 01 sim điện thoại số thuê bao 0522577990 là tài sản thuộc quyền sở hữu của anh Trần Văn Đ nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố B đã trả lại cho anh Trần Văn Đ là phù hợp quy định của pháp luật.

+ 01 điện thoại di động FPT C5, màu đen là của Ngô Văn D do không liên quan đến việc phạm tội nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố B đã trả lại cho Ngô Văn D là có căn cứ.

[5]. Về biện pháp tư pháp: Tịch thu tiêu hủy 01 cây tre dài khoảng 2,5m, một đầu có gắn móc phơi đồ là công cụ dùng vào việc phạm tội.

[6]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và [Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc bị cáo D phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.](#)

[7]. Quan điểm trình bày của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố B về vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Ngô Văn D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Về áp dụng điều luật: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm c khoản 2 Điều 290; Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và [Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.](#)

- Về mức hình phạt: Xử phạt bị cáo Ngô Văn D: 14 (Mười bốn) tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày 20/06/2021.

- Về biện pháp tư pháp: Tịch thu tiêu hủy 01 cây tre dài khoảng 2,5m, một đầu có gắn móc phơi đồ là công cụ dùng vào việc phạm tội.

(Những vật chứng này được thể hiện tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố B).

- Về án phí: [Buộc bị cáo D phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.](#)

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo; Bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Đ (1);
- Viện kiểm sát nhân dân TP.B (2);
- Công an TP.B (2);
- Thi hành án hình sự (7);
- Bị cáo – BH; NLQ: (6);
- Lưu hồ sơ vụ án (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đồng Thị Hồng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thiều Thị Phi Loan Trần Chính

Đồng Thị Hồng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ ngày 11 tháng 7 năm 2018;

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố B, tỉnh Đ.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đồng Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Diễn và bà Trương Thị

Thìn

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 209/2018/TLST-HS
ngày 22 tháng 06 năm 2018 đối với:

Các bị cáo:

- **Thạch Thương (tên gọi khác.....)**; sinh năm 1986; Nơi cư

trú: Ấp Vinh Điền, xã Long Điền Tây, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

- **Phan Trí Hải (tên gọi khác.....)**; sinh năm 1999; Nơi cư trú: ấp Long Đức 3, xã Tam Phước; Thành phố B, tỉnh Đ

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Thạch Thương và Phan Trí Hải phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

2 Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 171; các điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 15; Điều 17; khoản 1, 3 Điều 57 và Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và [Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội](#).

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

3. Về mức hình phạt:

Xử phạt bị cáo Thạch Thương: tù.
Thời hạn tù tính từ ngày 26/01/2018.

Xử phạt bị cáo Phan Trí Hải: tù.
Thời hạn tù tính từ ngày 26/01/2018.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

4. Về các vấn đề khác:

- Về trách nhiệm dân sự: Chị Phạm Thị Ngọc Linh xác định đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về vật chứng vụ án: Đối với 01 chiếc xe mô tô Yamaha biển số 60U7-4138, được hai bị cáo Thương và Hải sử dụng đi cướp giật tài sản, Hải khai mượn của một người tên Tuấn (chưa rõ lai lịch), Cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành xác minh nhưng chưa rõ chủ sở hữu, Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ để xác minh, xử lý sau.

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và [Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm](#).

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ..... phút cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét

xử cùng nghe và ký tên.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Đ (1);
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Biên Hòa (2);
- Công an TP.Biên Hòa (2);
- Thi hành án hình sự (7);
- Bị cáo – BH- NLQ (6);
- Lưu hồ sơ vụ án (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đồng Thị Hồng

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:11/2018/HSST-QĐ

Biên Hòa, ngày 12 tháng 3 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
TRẢ HỒ SƠ ĐỂ ĐIỀU TRA BỔ SUNG**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:⁽⁴⁾

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đồng Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh và bà Nguyễn Thị Nhạn

Căn cứ Điều 280 và Điều 299 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ kết quả việc xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa;

Xét thấy:

- Tại phiên tòa, người bị hại Bùi Quốc Tuấn và người làm chứng Phạm quốc Cường đều khai khi quay lại hiện trường để gây án bị cáo không đi một mình mà đi cùng hai người khác trên 1 chiếc xe máy. Lời khai này mâu thuẫn với lời khai của bị cáo tại phiên tòa và tại cơ quan điều tra. Mặt khác anh Tuấn và anh Cường cũng như bị cáo đều xác định quá trình điều tra chưa được đối chất với nhau.

- Chiếc xe bị cáo sử dụng làm phương tiện gây án bị cáo khai tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa là đã bán. Tuy nhiên, cơ quan điều tra chưa làm rõ thời điểm bán, khu vực bán và người mua cũng như khả năng thu hồi tài sản này cũng như biện pháp xử lý vật chứng. Lý do tại sao có sự chênh lệch lớn giữa giá bán và giá mua. Có hay không việc bị cáo cố ý tẩu tán tài sản. Do đó, cần trả hồ sơ để làm rõ.

QUYẾT ĐỊNH:

Trả hồ sơ vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 40/2018/TLST-HS ngày 08 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo **Trần Văn Phú** (Tên gọi khác: Hiền); Sinh

năm 1989;

Bị truy tố về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999.

Cho Viện kiểm sát nhân dân Thành phố B.

Đề điều tra bổ sung những vấn đề sau đây:

1. Điều tra xác minh, cho đối chất giữa bị hại, những người làm chứng và bị cáo nhằm làm rõ trong vụ án có đồng phạm hay không?

2. Xác minh làm rõ cũng như có biện pháp xử lý cụ thể đối với chiếc xe mà bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội.

Nơi nhận:

- VKS TP.Biên Hòa (kèm hồ sơ vụ án);
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

